

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 12/4/2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng,
tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Hòa**

2. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Dáng Hương** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **18/2022/TLST-HNGĐ**, ngày 12/01/2022 về việc “**xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con**” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/3/2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Cẩm Nh**, sinh năm 1978

HKTT: Ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Địa chỉ hiện nay: Ấp Bắc Sơn, thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0369209836

2/ Bị đơn: Anh **Bùi Phương T**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0373716231

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Nh trình bày: Chị và anh Bùi Phương T qua tìm hiểu đã tiến tới chung sống với nhau từ năm 1997 tại ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc và có 02 con chung tên Bùi Kim L, sinh ngày 16/01/1998 và Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007. Nhưng đến năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, anh T không lo cho kinh tế gia đình. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, chị Nh đề nghị Tòa án giải quyết chấm dứt quan hệ hôn nhân với anh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Kim L, sinh ngày 16/01/1998 (đã trưởng thành) và Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007 (đang sống với mẹ). Sau khi ly hôn, chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thanh B. Không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Cháu Bùi Kim L đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại tờ tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Phương T trình bày: Anh T thống nhất với trình bày của chị Nh về quá trình chung sống và con chung, về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cự cãi, anh T thừa nhận bản thân không lo cho kinh tế gia đình, thỉnh thoảng say xỉn có la mắng vợ. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài nên anh đồng ý ly hôn với chị Nh.

- Về quan hệ con chung: Có 02 con chung tên Bùi Kim L, sinh ngày 16/01/1998 (đã trưởng thành) và Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007 (đang sống với mẹ). Sau khi ly hôn, anh T đồng ý giao con chung tên Bùi Thanh B cho chị Nh nuôi dưỡng, anh sẽ không cấp dưỡng nuôi con; con chung tên Bùi Kim L đã trưởng thành, tự lao động được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyện vọng của con chung: Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/3/2022 cháu Bùi Thanh B có nguyện vọng được sống với mẹ.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương: Chị Nh, anh T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chính quyền địa phương không rõ mâu thuẫn vợ chồng của anh chị như thế nào.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Nh và bị đơn anh Bùi Phương T vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, mọi vấn đề có

liên quan chị Nh và anh T đã trình bày đầy đủ, rõ ràng trong hồ sơ vụ án, ngoài ra chị Nh và anh T không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn phát biểu ý kiến:

Về tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật quy định, đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, có đủ cơ sở đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị Cẩm Nh và anh Bùi Phương T. Về con chung: Cháu Bùi Kim L đã trưởng thành nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết, riêng cháu Bùi Thanh B giao cho chị Nh tiếp tục nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Chị Trần Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Cẩm Nh khởi kiện ly hôn đối với anh Bùi Phương T, tuy nhiên chị Nh trình bày vợ chồng chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng; tranh chấp về nuôi con chung của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Qua các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Hòa Phú, xã Định Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Căn cứ quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Cẩm Nh và bị đơn anh Bùi Phương T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt chị Nh và anh T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Cẩm Nh và anh Bùi Phương T trình bày anh chị chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997 có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn nhưng Giấy khai sinh của 02 con chung đều để tên mẹ là Trần Thị Cẩm Nh và tên cha là Bùi Phương T. Do đó, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân, việc đăng ký với cơ quan có thẩm quyền về việc thực hiện theo quy định của Luật HNGĐ, pháp luật về hộ tịch và kết quả là không có căn cứ xác định chị Nh và anh T có đăng ký kết hôn. Qua quá trình giải quyết vụ án thì có thể xác định quá trình chung sống như vợ chồng, chị Nh và anh T không tin tưởng nhau, thường xuyên cự cãi, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc thể hiện bằng việc anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay.

Xét thấy, chị Nh và anh T là những người có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật đã chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn, nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, quan hệ của chị Nh và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và tinh thần hướng dẫn tại điểm b khoản 2 Thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2020/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh mà giải quyết không công nhận chị Nh và anh T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Quá trình sống chung, chị Nh và anh T có 02 con chung tên Bùi Kim L, sinh ngày 16/01/1998 và Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007. Hiện nay cháu Bùi Kim L đã trưởng thành, tự lao động được nên chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết, riêng cháu Bùi Thanh B đang sống với chị Nh nên chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Xét điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn thì chị Nh và anh T có điều kiện như nhau nhưng xét về tình hình thực tế thì từ khi chị Nh và anh T sống ly thân cháu Bùi Thanh B ở với chị Nh và chị Nh cũng đã chăm sóc, nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho cháu Bùi Thanh B. Bên cạnh đó, nguyện vọng của cháu Bùi Thanh B là muốn được ở cùng mẹ khi cha mẹ chấm dứt quan hệ hôn nhân. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T cũng thống nhất với yêu cầu của chị Nh về con chung. Nay để không làm ảnh hưởng đến việc học tập và sinh hoạt cũng như tôn trọng nguyện vọng của cháu Bùi Thanh B Hội đồng xét xử xét cần căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007 cho chị Trần Thị Cẩm Nh được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Phương T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Phương T do chị Trần Thị Cẩm Nh không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nh trình bày không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nh là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị Cẩm Nh và anh Bùi Phương T là vợ chồng.

2. Về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con: Chị Trần Thị Cẩm Nh được tiếp tục nuôi con chung tên Bùi Thanh B, sinh ngày 05/5/2007; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản. Người không trực tiếp nuôi con chung nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

Con chung tên Bùi Kim L, sinh ngày 16/01/1998 hiện nay đã thành niên và không thuộc trường hợp mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động hoặc không có tài sản để tự nuôi mình và các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Bùi Phương T do chị Trần Thị Cẩm Nh không yêu cầu. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các đương sự có thể yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Cẩm Nh trình bày không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Tuy nhiên, sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Trần Thị Cẩm Nh và anh Bùi Phương T phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị Cẩm Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0008839 ngày 12/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Như vậy, chị Nh đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm. Anh Bùi Phương T không phải chịu án phí.

6. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở UBND xã (phường, thị trấn) nơi đương sự cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- UBND xã Định Thành, Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên